CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Mã CK: DGW Sàn: HOSE/Vietnam Ngành: Bán lẻ

MUA [+37%]

Ngày cập nhật: 11/02/2022

Giá hợp lý	152,000	VND
Giá hiện tại	110,000	VND

PHS
(+82-28) 5 413 5479– support@phs.vn

Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	88.4
Free-float (triệu)	48.6
Vốn hóa (tỷ đồng)	9,679.9
KLGD TB 3 tháng	620,335
Sở hữu nước ngoài	25.8%
Ngày niêm yết đầu tiên	03/08/2015

Cổ đông lớn

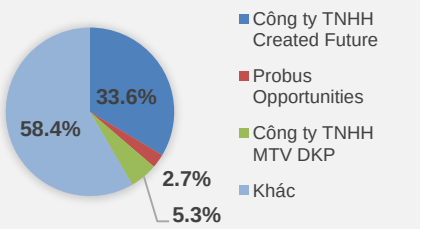

Biến động giá cổ phiếu so với Index

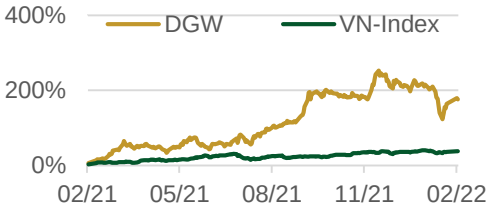

Lịch sử định giá

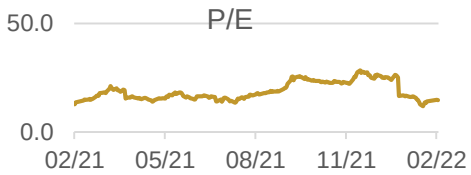

Nguồn: Bloomberg, PHFM

Duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong 2022

Cập nhật KQKD năm 2021 và tháng 1/2022: Kết thúc năm 2021, DGW lập kỷ lục doanh thu ~20,971 tỷ đồng (+67%YoY), động lực tăng trưởng đến từ tất cả các ngành hàng. Trong đó, hai ngành hàng cốt lõi là Máy tính xách tay (MTXT) & Máy tính bảng (MTB) và Điện thoại di động (ĐTDĐ) đóng góp 85% tổng doanh thu của Công ty, lần lượt đạt mức tăng trưởng 82%YoY và 54%YoY. Biên lãi gộp trong năm 2021 đạt mức kỷ lục 7.2% nhờ cải thiện biên lợi nhuận gộp từ MTXT&MTB. Công ty tiếp tục tái cấu trúc chi phí hoạt động hiệu quả, vì vậy Lợi nhuận sau thuế tăng ~2.5 lần so với 2020, đạt 658 tỷ đồng.

Trong tháng đầu tiên của năm 2022, DGW ghi nhận mức doanh thu đạt 3,060 tỷ đồng (+50%YoY). Công ty kỳ vọng mức DTT và LNST trong Q1/2022 lần lượt đạt 7,000 tỷ đồng (+40%YoY) và 200 tỷ đồng (+87%Y). Chúng tôi nhận định rằng DGW hoàn toàn có thể vượt mục tiêu đặt ra trong Q1/2022 nhờ sự phục hồi của mảng ĐTDĐ sau giãn cách xã hội.

Điểm nhấn đầu tư:

Mảng ĐTDĐ kỳ vọng đóng góp doanh thu lớn nhất trong 2022: Chúng tôi ước tính mảng ĐTDĐ của DGW đạt mức tăng trưởng 35%YoY nhờ (1) Sức mua phục hồi sau giãn cách xã hội; (2) Dù mất vị thế phân phối độc quyền của Xiaomi, DGW vẫn là nhà phân phối hàng đầu mà Xiaomi ủy thác phân phối tại Việt Nam. Công ty ước tính doanh thu Xiaomi đạt ~8,000 tỷ đồng trong 2022 bởi nhãn hàng đang có chiến lược tăng trưởng thị phần vượt trội tại Việt Nam; (3) Đóng góp doanh thu vượt trội từ các sản phẩm Iphone của Apple.

Mảng MTXT & MTB duy trì tăng trưởng hai chữ số dù nhu cầu sử dụng giảm sau giãn cách xã hội: Chúng tôi kỳ vọng ngành hàng này của DGW ghi nhận tăng trưởng ~25% khi giá bán laptop đã tăng hơn hai chữ số so với đầu năm 2021 do tình trạng thiếu chips kéo dài đến 2023. Ngoài ra, DGW cũng đẩy mạnh phân phối thêm các dòng sản phẩm mới để gia tăng doanh thu.

Tiên phong phân phối các sản phẩm mới tại thị trường Việt Nam: DGW là đơn vị phân phối duy nhất thực hiện Chiến lược phát triển thị trường MES (Market Expansion Services) cho các nhãn hàng mới lần đầu thâm nhập vào thị trường Việt Nam. Chiến lược dài hạn của Công ty là tìm kiếm các ngành hàng mới còn dư địa tăng trưởng lớn (như thiết bị gia dụng và dược phẩm) nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng ít nhất 25%/năm trong 3 năm tiếp theo trong bối cảnh mức tăng trưởng các sản phẩm ICT bắt đầu "hạ nhiệt". Cuối năm 2021, Công ty đã trở thành đối tác độc quyền cho thiết bị gia dụng Whirlpool và TV của TCL với kỳ vọng đạt 8-10% thị phần trong 2-3 năm tới.

Định giá & khuyến nghị: Trong 2022, chúng tôi ước tính DTT của DGW đạt đạt 27,623 tỷ đồng (+32%YoY) nhờ duy trì được mức tăng trưởng (trên 20%) của các ngành hàng ICT. Bên cạnh đó, chúng tôi điều chỉnh mức biên lãi gộp (BLG) của DGW từ 6.8% lên 7% do BLG của MTXT&MTB kỳ vọng vẫn được cải thiện do tình trạng thiếu hụt chips toàn cầu. Lợi nhuận sau thuế đạt 805 tỷ đồng (+22%YoY), tăng 14% so với dự phóng trước đây. Bằng phương pháp định giá DCF và P/E, chúng tôi nâng mức giá hợp lý cho cổ phiếu DGW từ 140,600 đồng/cổ phiếu lên 152,000 đồng/cổ phiếu trong 12 tháng tới, cao hơn +37% so với giá hiện tại. Từ đó, khuyến nghị tiếp tục **MUA** cho cổ phiếu này.

Rủi ro: **(1)** Rủi ro phân phối ngành hàng mới; **(2)**; Rủi ro mất vị thế phân phối độc quyền; **(3)** Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Chỉ số tài chính	2017A	2018A	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	3,821	5,937	8,488	12,536	20,971	27,623
LNST (tỷ VND)	78	110	163	267	658	805
EPS (VND)	1,982	2,735	3,961	6,213	7,436	9,111
Tăng trưởng EPS (%)	17%	38%	45%	57%	20%	23%
Giá trị sổ sách (VND)	17,257	18,898	22,270	26,949	20,189	28,278
P/E	10.61	8.37	5.9	13.79	16.81	16.69
P/B	1.23	1.21	1.04	3.2	6.2	5.4
Cổ tức tiền mặt (%)	5%	20%	10%	20%	20%	N/A